

Số: 2619 /QĐ-UBND

Long An, ngày 02 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp và dịch vụ Đông Nam Á, xã Phước Vĩnh Đông và xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh và văn bản số 30/BXD-QHKT ngày 17/7/2018 của Bộ Xây dựng;

Xét Tờ trình số 03/2018/TTr-QLDA/KCNLA ngày 27/7/2018 của Công ty CP Khu công nghiệp Long An và Công ty TNHH Dịch vụ công nghiệp Cảng Long An và văn bản số 16/TĐ-SXD ngày 30/7/2018 của Sở Xây dựng về việc báo cáo kết quả thẩm định điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp và dịch vụ Đông Nam Á tại xã Tân Tập và xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp và dịch vụ Đông Nam Á tại xã Tân Tập và xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, với nội dung như sau:

\* **Tên đồ án quy hoạch:** Điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp và dịch vụ Đông Nam Á tại xã Tân Tập và xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

\* **Địa điểm quy hoạch xây dựng:** Xã Tân Tập và xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

\* **Chủ đầu tư:** Công ty CP Khu công nghiệp Long An và Công ty TNHH Dịch vụ công nghiệp Cảng Long An.

\* **Đơn vị tư vấn:** Trung tâm Quy hoạch Xây dựng.

## **I. Vị trí, giới hạn, diện tích**

- Khu đất lập quy hoạch thuộc địa bàn xã Tân Tập và xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc. Ranh giới khu đất được giới hạn như sau:

- + Phía Bắc giáp sông Rạch Váng.
  - + Phía Nam giáp đường tỉnh 830.
  - + Phía Đông giáp sông Soài Rạp và khu Cảng Long An.
  - + Phía Tây giáp rạch Heo và khu vực đô thị dự kiến.
- Quy mô diện tích: **635 ha.**

## **II. Tính chất của khu quy hoạch**

### **1. Ngành nghề khu công nghiệp:**

**a. Công nghiệp ít ô nhiễm:** Dệt kim (không giảm trọng); Gia công cơ khí: tiện, phai, hàn; Nhà kho, nhà trưng bày sản phẩm; May mặc; Gia công may giày thể thao; Sản xuất bao PP từ hạt nhựa.

### **b. Công nghiệp ô nhiễm trung bình:**

- Sản xuất hạt nhựa;
- Hàng tiêu dùng: Sản xuất các loại nguyên liệu, hóa mỹ phẩm, sản xuất tơ sợi, dệt, sản xuất các sản phẩm gốm sứ, thủy tinh, sản xuất bao bì, in ấn bao bì offset, sản xuất đồ dùng giảng dạy, học tập, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục thể thao, đồ dùng gia đình, văn phòng phẩm;
- Vật liệu xây dựng: Sản xuất vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, sản xuất vật liệu composite, vật liệu cách âm, cách điện, cách nhiệt, vật liệu hỗn hợp thay gỗ, vật liệu chịu lửa, chất dẻo xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng từ sợi thủy tinh;
- Nhựa gia dụng;
- Sản xuất nước giải khát; Sản xuất bánh kẹo; Chế biến lương thực, thực phẩm;
- Trạm trộn bê tông;
- Cán nhôm sắt thép từ phôi nguyên liệu;
- Sản xuất que hàn;
- Cơ khí (không xi mạ): Sản xuất thiết bị phụ tùng máy nông lâm ngư nghiệp, thiết bị tưới tiêu, sản xuất các thiết bị phục vụ ngành dệt may, sản xuất các thiết bị xử lý nước thải, Cơ khí chế tạo máy, Cơ khí xây dựng, sản xuất và lắp ráp phụ tùng xe máy.

### **c. Công nghệ kỹ thuật cao:**

- Công nghiệp điện tử, phương tiện thông tin, viễn thông: Sản xuất các loại công cụ thiết bị điện; Sản xuất các loại linh kiện, thiết bị thông tin viễn thông; Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử; Sản xuất các loại thiết bị điện gia dụng; Sản xuất các sản phẩm công nghệ thông tin;

- Công nghiệp dược phẩm thiết bị y tế.

**d. Các ngành công nghiệp khác:** Sản xuất các loại phụ gia cho ngành in trên vải; In ấn gia công trên các vật liệu bao bì;

## **2. Khu dịch vụ công nghiệp:**

### **a. Các dịch vụ logistics chủ yếu:**

- Dịch vụ bốc xếp hàng hoá, container;

- Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, kinh doanh kho bãi container và kho xử lý nguyên liệu, thiết bị;

- Dịch vụ đại lý vận tải, đại lý làm thủ tục hải quan và lập kế hoạch bốc dỡ hàng hóa;

- Dịch vụ tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin liên quan đến vận chuyển; lưu kho hàng hóa trong suốt cả chuỗi logistics; xử lý lại hàng hóa bị khách hàng trả lại, hàng hóa tồn kho, hàng hóa quá hạn, lỗi mốt và tái phân phối hàng hóa đó; cho thuê và thuê mua container.

**b. Các dịch vụ logistics liên quan đến vận tải:** Vận tải hàng hải; vận tải thủy nội địa; vận tải hàng không; vận tải đường sắt; vận tải đường bộ; vận tải đường ống.

**c. Các dịch vụ logistics liên quan khác:** Dịch vụ kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Dịch vụ bưu chính; Dịch vụ thương mại bán buôn; Dịch vụ thương mại bán lẻ, bao gồm cả hoạt động quản lý hàng lưu kho, thu gom, tập hợp, phân loại hàng hóa, phân phối lại và giao hàng; Các dịch vụ hỗ trợ vận tải khác.

## **III. Quy hoạch sử dụng đất**

**1. Phân khu chức năng:** Khu công nghiệp và Dịch vụ Đông Nam Á có tổng diện tích là 635ha. Trong đó:

### **1.1. Khu công nghiệp (396ha):**

#### **a. Đất nhà máy, kho tàng (280,005 ha):**

Phân thành 27 khu (B1 ÷ B14 và C1 ÷ C13)

- Mật độ xây dựng trong lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng tối đa 70% tùy theo chiều cao xây dựng công trình và diện tích lô đất.

- Tầng cao xây dựng tối đa 3 tầng.

- Tỷ lệ đất cây xanh trong khuôn viên từng lô đất xây dựng  $\geq 20\%$ .

**b. Đất công trình hành chính dịch vụ (13,56ha):** Bao gồm văn phòng của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu dịch vụ, tiếp thị, giao dịch, thuế, hải quan,

bưu điện, PCCC, bãi đậu xe. Khu điều hành sẽ được bố trí ngay lối vào các khu công nghiệp thuận tiện công tác giao dịch, quảng cáo tiếp thị, quản lý,...

- Bố trí 2 khu đất quản lý điều hành và dịch vụ: 1-A (3,85ha) và 1-B (4,79ha) tại vị trí phía tây nam.

- Bố trí khu đất quản lý điều hành và dịch vụ 1-C (3,91ha) tại vị trí giữa đất khu công nghiệp.

- Bố trí 1 trạm xăng dầu (1,01ha) phía nam khu quy hoạch, giáp đường tỉnh 830.

- Mật độ xây dựng tối đa 40%.

- Tầng cao xây dựng tối đa 3 tầng.

- Tỷ lệ đất cây xanh trong khuôn viên từng lô đất xây dựng  $\geq 30\%$ .

**c. Đất các khu kỹ thuật (5,96ha):**

- Bố trí 02 Trạm xử lý nước thải (1,89ha) và (1,63ha) giáp trục đường chính phía đông nam khu công nghiệp.

- Bố trí trạm cấp điện (0,56ha), trạm cấp nước (0,69ha) phía tây nam khu quy hoạch.

- Bố trí 01 khu rác thải tập trung (1,19ha) phía nam rạch Chiêm.

**d. Đất cây xanh:** Diện tích 47,42 ha.

**e. Đất giao thông:** Diện tích 49,055 ha.

**1.2. Khu dịch vụ (239 ha):**

**a. Đất thương mại, dịch vụ (dịch vụ Logistics):** Phân thành 14 khu (146,125ha).

- Mật độ xây dựng tối đa trong từng lô đất xây dựng công trình thương mại, dịch vụ (dịch vụ Logistics) là 70% tùy theo diện tích lô đất và chiều cao xây dựng công trình.

- Tầng cao xây dựng tối đa 5 tầng.

- Tỷ lệ đất cây xanh trong khuôn viên từng lô đất xây dựng  $\geq 20\%$ .

**b. Đất công trình hành chính dịch vụ (3,34ha):**

- Bố trí 1 khu quản lý điều hành và dịch vụ (1-D) tại vị trí phía đông, giáp sông Soài Rạp.

- Mật độ xây dựng tối đa 40%.

- Tầng cao xây dựng tối đa 3 tầng.

- Tỷ lệ đất cây xanh trong khuôn viên từng lô đất xây dựng  $\geq 30\%$ .

**c. Đất văn hóa, triển lãm (4,81ha):**

- Đất khu Văn hóa - triển lãm nằm cạnh đất trạm y tế giáp trục đường chính số 1 trong khu quy hoạch.

- Mật độ xây dựng tối đa 40%.
- Tầng cao xây dựng tối đa 3 tầng.
- Tỷ lệ đất cây xanh trong khuôn viên từng lô đất xây dựng  $\geq 30\%$ .

**d. Đất y tế (1,07ha):**

- Đất trạm y tế nằm cạnh đất khu Văn hóa - triển lãm giáp trục đường chính số 1 trong khu quy hoạch.

- Mật độ xây dựng tối đa 40%.
- Tầng cao xây dựng tối đa 3 tầng.
- Tỷ lệ đất cây xanh trong khuôn viên từng lô đất xây dựng  $\geq 30\%$ .

**đ. Đất các khu kỹ thuật (0,93ha):**

Bố trí 01 bãi tập trung rác (0,93ha), đối diện với trạm xử lý nước thải (4-B) qua đường số 1.

**e. Đất cây xanh:** Diện tích 42,53 ha.

**g. Đất giao thông:** Diện tích 40,195 ha.

**2. Cơ cấu sử dụng đất**

**a. Khu công nghiệp:**

- Đất nhà máy, kho tàng	: 280,005 ha	(70,71%).
- Đất công trình hành chính, dịch vụ	: 13,560 ha	(3,42%).
- Đất giao thông	: 49,055 ha	(12,39%).
- Đất các khu kỹ thuật	: 5,960 ha	(1,51%).
- Đất cây xanh	: 47,42 ha	(11,97%).
<b>Tổng cộng</b>	<b>: 396 ha</b>	<b>(100%).</b>

**b. Khu dịch vụ:**

- Đất thương mại, dịch vụ	: 146,125 ha	(61,14%).
- Đất công trình hành chính, dịch vụ	: 3,340 ha	(1,40%).
- Đất văn hóa, triển lãm	: 4,810 ha	(2,01%).
- Đất y tế	: 1,070 ha	(0,44%).
- Đất giao thông	: 40,195 ha	(16,82%).
- Đất các khu kỹ thuật	: 0,930 ha	(0,39%).
- Đất cây xanh	: 42,53 ha	(17,80%).
<b>Tổng cộng</b>	<b>: 239 ha</b>	<b>(100%).</b>

**IV. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật**

**1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng và thoát nước mưa**

### **a) San nền:**

Cao độ nền hoàn thiện (cao độ mặt đường) cho toàn Khu công nghiệp và dịch vụ  $H > +2.50\text{m}$  (cao độ Hòn Dấu). Khu vực tiếp giáp đường tỉnh 830 phải thấp hơn mặt đường tỉnh (đã hoàn chỉnh) là  $0,1\text{m}$ .

### **b) Thoát nước mưa**

- Hệ thống thoát nước mưa xây dựng riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Chia ra nhiều lưu vực thoát nước mưa ra các kênh rạch xung quanh. Nước mưa từ các lưu vực được thu vào hệ thống cống riêng và thoát ra rạch Chiêm, rạch Heo, sông Rạch Váng và sông Soài Rạp.

- Mạng lưới thoát nước mưa sử dụng cống bê tông cốt thép có đường kính  $D400 \div D1500$ .

## **2. Giao thông**

- Đường số 1:

+ Đoạn từ đường tỉnh 830 đến hết ranh lô 3-A (mặt cắt 2-2): Lộ giới  $45\text{m}$ , trong đó: mặt đường rộng  $12\text{m} \times 2$ , dây phân cách ở giữa rộng  $5\text{m}$ , vỉa hè rộng  $8\text{m} \times 2$ . Dây cây xanh phía khu công nghiệp rộng  $9\text{m}$ . Chỉ giới đường đỏ từ tim dây phân cách ở giữa vào phía khu công nghiệp là  $31,5\text{m}$ .

+ Đoạn từ rạch Chiêm đến đường số 11: Lộ giới  $42\text{m}$ , trong đó: mặt đường rộng  $12\text{m} \times 2$ , dây phân cách ở giữa rộng  $5\text{m}$ ; vỉa hè phía khu 3-B rộng  $8\text{m}$  và phía khu 4-B rộng  $5\text{m}$ . Dây cây xanh phía khu 3-B rộng  $9\text{m}$  và phía khu 4-B rộng  $27,5\text{m}$ . Chỉ giới đường đỏ từ tim dây phân cách ở giữa vào phía khu 3-B là  $31,5\text{m}$  và phía khu 4-B là  $47\text{m}$ .

+ Đoạn từ đường số 11 đến đường số 1' (mặt cắt 2'-2''): Lộ giới  $42\text{m}$ , trong đó: mặt đường rộng  $12\text{m} \times 2$ , dây phân cách ở giữa rộng  $5\text{m}$ ; vỉa hè phía khu 1.1-D rộng  $8\text{m}$  và phía khu D9 rộng  $5\text{m}$ . Dây cây xanh phía khu 1.1-D rộng  $9\text{m}$ . Chỉ giới đường đỏ từ tim dây phân cách ở giữa vào phía khu 1.1-D là  $31,5\text{m}$  và phía khu D9 là  $19,5\text{m}$ .

+ Đoạn từ đường số 1' đến đường số 44 (mặt cắt 2'' - 2'''): Lộ giới  $31\text{m}$ , trong đó: mặt đường rộng  $8\text{m} \times 2$ , dây phân cách ở giữa rộng  $5\text{m}$ , vỉa hè rộng  $5\text{m} \times 2$ . Dây cây xanh rộng  $10\text{m} \times 2$ . Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào  $15,5\text{m}$ .

- Đường số 1':

+ Đoạn từ đường số 1 đến đường số 17 (mặt cắt 10-10): Lộ giới  $47\text{m}$ , trong đó: dây phân cách ở giữa rộng  $4\text{m}$ , mặt đường rộng  $7,5\text{m} \times 2$ , dây phân cách rộng  $1\text{m} \times 2$ , mặt đường song hành rộng  $7\text{m} \times 2$ , vỉa hè rộng  $6\text{m} \times 2$ , lộ giới  $47\text{m}$ . Dây cây xanh rộng  $9\text{m} \times 2$ . Chỉ giới đường đỏ từ tim dây phân cách ở giữa vào mỗi bên là  $32,5\text{m}$ .

+ Đoạn từ đường số 17 đến đường số 19: Lộ giới  $39\text{m}$ , trong đó: dây phân cách ở giữa rộng  $4\text{m}$ , mặt đường rộng  $7,5\text{m} \times 2$ , dây phân cách rộng  $1\text{m} \times 2$ , mặt đường song hành rộng  $7\text{m} \times 2$ ; vỉa hè rộng  $2\text{m} \times 2$ .

+ Đoạn từ đường số 19 đến đường số 21D: Lộ giới 49m, trong đó: dây phân cách ở giữa rộng 4m, mặt đường rộng 7,5m x 2, dây phân cách rộng 1m x 2, mặt đường song hành rộng 7m x 2; vỉa hè phía khu DV14 rộng 6m và phía khu cây xanh rộng 2m. Dây cây xanh phía khu DV14 rộng 12m. Chỉ giới đường đỏ từ tim dây phân cách ở giữa vào bên phía khu D1 là 35,5m.

- Đường số 2 (mặt cắt 3-3): Lộ giới 35m, trong đó: dây phân cách ở giữa rộng 5m, mặt đường rộng 10m x 2, vỉa hè rộng 5m x 2. Chỉ giới đường đỏ từ tim dây phân cách ở giữa vào mỗi bên là 17,5m.

- Đường số 3, 4, 5, 32, 34, 36, 38 và 40 (mặt cắt 4 - 4): Lộ giới 20m, trong đó: mặt đường rộng 10m, vỉa hè rộng 5m x 2. Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào mỗi bên là 10m.

- Đường số 6 và 7 (mặt cắt 5-5): Lộ giới 25m, trong đó: mặt đường rộng 15m, vỉa hè rộng 5m x 2. Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào mỗi bên là 12,5m.

- Đường số 8 (mặt cắt 11-11): Lộ giới 18m, trong đó: mặt đường rộng 8m, vỉa hè rộng 5m x 2. Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào mỗi bên là 9m.

- Đường số 9 (mặt cắt 6-6): Lộ giới 15m, trong đó: mặt đường rộng 7m, vỉa hè rộng 4m x 2. Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào mỗi bên là 7,5m.

- Đường số 11:

+ Đoạn từ đường số 30 đến đường số 1 (mặt cắt 7-7): Lộ giới 22m, trong đó: mặt đường rộng 12m, vỉa hè rộng 5m x 2. Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào mỗi bên 11m.

+ Đoạn từ đường số 1 đến sông Soài Rạp (mặt cắt 7'-7'): Lộ giới 19m, trong đó: mặt đường rộng 12m, vỉa hè phía khu DV3, DV4 rộng 5m, vỉa hè phía khu cây xanh rộng 2m. Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào phía khu DV3, DV4 là 11m.

- Đường số 15 (mặt cắt 8 - 8): Lộ giới 33m, trong đó: dây phân cách ở giữa rộng 5m, mặt đường rộng 8m x 2, vỉa hè rộng 6m x 2. Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào mỗi bên là 16,5m.

- Đường số 17 (mặt cắt 12 - 12): Lộ giới 14m, trong đó: mặt đường rộng 7m, vỉa hè phía khu nhà máy rộng 5m, phía khu cây xanh rộng 2m. Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào phía khu DV11, DV12, DV13 là 8,5m.

- Đường số 19 (mặt cắt 12' - 12'): Lộ giới 14m, trong đó: mặt đường rộng 8m, vỉa hè phía khu DV14 rộng 4m, phía khu cây xanh rộng 2m. Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào phía khu DV14 là 8m.

- Đường số 21D:

+ Đoạn từ đường số 1' đến đường số 19 (mặt cắt 7 - 7): Lộ giới 22m, trong đó: mặt đường rộng 12m, vỉa hè rộng 5m x 2. Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào phía khu DV14 là 11m.

+ Đoạn từ đường số 19 đến đường số 44: Lộ giới 19m, trong đó: mặt đường rộng 12m, vỉa hè phía tây rộng 5m, phía khu cây xanh rộng 2m.

- Đường số 44:

+ Đoạn từ đường 21D đến đường số 17: Lộ giới 22m, trong đó: mặt đường rộng 15m, vỉa hè phía bắc rộng 5m, phía nam rộng 2m.

+ Đoạn từ đường 17 đến khu 1-D (mặt cắt 9 - 9): Lộ giới 25m, trong đó: mặt đường rộng 15m, vỉa hè rộng 5m x 2. Dãy cây xanh phía khu DV8, DV9, DV10 rộng 42,5m. Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào phía khu DV8, DV9, DV10 là 55m, phía khu DV5, DV7, DV11 là 12,5m.

+ Đoạn từ khu 1-D đến đường số 11: Lộ giới 22m, trong đó: mặt đường rộng 12m, vỉa hè rộng 5m x 2. Chỉ giới đường đỏ từ tim đường vào mỗi bên là 11m.

### **c) Chỉ giới xây dựng:**

- Chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 10m.

- Các công trình xây dựng cách mé sông Rạch Váng tối thiểu là 30m và cách mé sông Soài Rạp tối thiểu là 50m.

## **3. Cấp điện**

**a) Nguồn điện:** từ trạm 110/22kV – (2x63) MVA Nam Tân Tập.

**b) Tiêu chuẩn cấp điện:**

- Đất nhà máy, kho tàng:	250 (kW/ha)
- Đất thương mại, hành chính dịch vụ, văn hóa, triển lãm, y tế:	400 (kW/ha)
- Đất giao thông, đất các khu kỹ thuật:	10 (kW/ha)

**c) Nhu cầu sử dụng điện:**

- Tổng điện năng yêu cầu có tính đến 10% tổn hao và 5 % dự phòng: 559 triệu KWh/năm.

- Tổng công suất điện yêu cầu có tính đến 10% tổn hao và 5 % dự phòng: 159.303 KW.

**d) Mạng lưới:**

- Xây dựng 1 trạm biến áp 110/22KV, 2 trạm biến áp 22/0,4KV.

- Mạng lưới:

+ Lưới 22kV được đi ngầm dọc theo các trục đường trong khu quy hoạch.

+ Tuyến hạ thế chiếu sáng được đi ngầm. Đèn đường là loại đèn cao áp sodium ánh sáng vàng cam, công suất từ 150W đến 250W, đặt trên trụ thép ống, cao cách mặt đường 7 đến 10 mét, cách khoảng trung bình 30 mét dọc theo đường. Các tuyến đèn đường được điều khiển đóng mở tự động.

## **4. Cấp nước**

**a) Nguồn nước:**



Sử dụng nguồn nước do Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn cung cấp. Trong giai đoạn đầu, sử dụng nguồn nước từ nhà máy cấp nước Bằng Tâm (xã Long Phụng) với công suất 2.400m<sup>3</sup>/ngày.

**b) Tiêu chuẩn cấp nước:** 40 m<sup>3</sup>/ha.ngày.

**c) Mạng lưới:**

- Xây dựng các tuyến ống chuyên dùng Ø100 ÷ Ø600 dẫn nước đến các công trình.

- Trên mạng lưới bố trí các trụ cấp nước cứu hỏa, theo cự ly 150m ÷ 200m/trụ.

### **5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường**

- Hệ thống thoát nước thải xây dựng riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Thu gom nước thải công nghiệp phải đạt  $\geq 80\%$  lượng nước cấp cho khu quy hoạch.

- Bố trí các tuyến cống Ø300, Ø400 đặt ngầm dọc theo vỉa hè thu gom nước thải đầu nối với tuyến Ø500 dẫn về trạm xử lý để xử lý tập trung.

- Nước thải được xử lý xử lý theo 2 cấp:

+ Cấp thứ I: Xử lý riêng trong từng công trình theo tiêu chuẩn của Ban quản lý khu công nghiệp và dịch vụ đề ra trước khi xả vào mạng lưới thoát nước thải chung.

+ Cấp thứ II: Xử lý tại khu xử lý nước thải tập trung phía đông khu của khu quy hoạch đạt quy chuẩn QCVN 40:2011 (cột A), ra hồ kiểm soát trước khi thoát ra rạch Chiêm.

*\* Xử lý rác:*

- Đối với các loại rác thông thường do Công ty TNHH 1 Thành viên Công trình công cộng huyện Cần Giuộc thu gom.

- Đối với chất thải rắn và các loại rác nguy hại, hợp đồng với công ty chuyên xử lý chất thải nguy hại thu gom và xử lý.

### **6. Thông tin liên lạc**

- Nguồn: từ trạm viễn thông khu vực.

- Tổng số thuê bao dự kiến bố trí trong khu quy hoạch là 1.363 thuê bao.

- Toàn bộ mạng lưới đường dây thông tin liên lạc trong khu quy hoạch được đặt ngầm.

### **7. Cây xanh**

- Bố trí vườn hoa cây xanh kết hợp với công trình kiến trúc.

- Mảng cây xanh rộng từ 20m ÷ 30m bao quanh khu xử lý nước thải, bãi tập trung rác để giữ đất, bảo vệ môi trường, cách ly với khu vực xung quanh.

- Bố trí các dải cây xanh phân cách tại các trục đường chính.
- Mảng cây xanh rộng tối thiểu 20m ven các rạch Heo, rạch Chiêm.
- Ngoài ra trong từng lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng phải dành tối thiểu 20% diện tích đất để trồng cây xanh, thảm cỏ và trong từng lô đất xây dựng công trình hành chính dịch vụ, công trình văn hóa – triển lãm, công trình y tế phải dành tối thiểu 30% diện tích đất để trồng cây xanh, thảm cỏ.
- Trên vỉa hè các trục đường trồng các loại cây có tán rộng, rễ sâu như sao, dầu, bằng lăng... cách khoảng 8m/cây ÷ 10m/cây; không trồng cây tại các vị trí che khuất tầm nhìn, tại các ngã giao nhau.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

Công ty CP Khu công nghiệp Long An và Công ty TNHH Dịch vụ công nghiệp Cảng Long An và các ngành có liên quan thực hiện đúng theo các nội dung:

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định.
- Triển khai dự án đúng theo diện tích quy hoạch được duyệt, đồng thời đúng theo trích đo bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp mới nhất.
- Thỏa thuận với Sở Giao thông Vận tải về việc đấu nối ra đường tỉnh 830, và lập các thủ tục có liên quan đến việc bố trí cầu cảng theo quy định.
- Thỏa thuận với Sở Công Thương để xây dựng hệ thống cấp điện phù hợp theo quy hoạch cấp điện của tỉnh Long An.
- Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa theo quy định.
- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND huyện Cần Giuộc có trách nhiệm bố trí nhà ở cho công nhân làm việc trong khu công nghiệp và dịch vụ theo quy định.
- Khi triển khai dự án phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến các vấn đề thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu của khu vực, đồng thời đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật xung quanh.
- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày điều chỉnh đồ án quy hoạch được phê duyệt, chủ đầu tư phải phối hợp với UBND xã Tân Tập, UBND xã Phước Vĩnh Đông, UBND huyện Cần Giuộc công bố quy hoạch và tiến độ đầu tư dự án theo quy định.
- Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch trình Ban Quản lý khu kinh tế phê duyệt làm cơ sở quản lý xây dựng khu công nghiệp và dịch vụ theo quy hoạch được phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Khoa học và Công nghệ,

Thông tin và Truyền thông; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế, Chủ tịch UBND huyện Cần Giuộc, Giám đốc Công ty CP Khu công nghiệp Long An và Công ty TNHH Dịch vụ công nghiệp Cảng Long An và các đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 16/11/2007 của UBND tỉnh Long An./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT. UBND tỉnh (sx);
- Phòng KT;
- Lưu: VT, SXD, Th.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**